

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/ DS-ST
Ngày: 08/12/2021
V/v tranh chấp đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Thuận;

Bà Trần Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03, 08 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 237/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST - DS ngày 16 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Thế Q, sinh năm 1983; nơi thường trú: số 115/72, đường N, tổ 2, khu phố 9, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1958; nơi thường trú: số 37, đường N1, khu phố 4, phường P1, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (giấy ủy quyền ngày 18 tháng 3 năm 2020), có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lã Trọng H, sinh năm 1994; nơi thường trú: ấp Hương Phước, xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: Ô30-32 DC71, Đường NA7, khu dân cư VS, khu phố HL, phường F, thành phố T1, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Q và ông H quen biết thông qua kinh doanh các mặt hàng bia nước ngọt. Ông Q đã đặt hàng của ông H hai lần như sau:

Ngày 06/9/2018, ông Q đặt hàng bia Tiger và Heniken lon với số tiền 730.000.000 đồng. Ông Q đã chuyển khoản toàn bộ số tiền cho ông H tuy nhiên ông H chỉ mới giao cho ông Q 1.200 thùng bia Heniken và 479 thùng bia Tiger với trị giá 577.379.000 đồng. Ông H còn nợ lại 152.621.000 đồng.

Ngày 13/9/2018, ông Q tiếp tục đặt hàng bia Tiger và Heniken với tổng số tiền 755.960.000 đồng. Ông Q đã chuyển đủ tiền nhưng ông H không giao hàng đầy đủ.

Tổng hai đơn hàng ông H còn thiếu của ông Q là 908.581.000 đồng.

Ngày 17/9/2018, ông H có chuyển cho tôi (ông Q) số tiền 145.000.000 đồng và hứa số tiền còn lại sẽ thanh toán cho ông Q vào ngày 29/9/2018. Ngày 18/10/2019 ông H thanh toán thêm cho ông Q 49.500.000 đồng.

Ngày 28/10/2018, ông H có viết giấy cam kết trả hết số tiền 714.081.000 đồng cho ông Q vào ngày 29/10/2018, tuy nhiên từ thời điểm đó (viết giấy cam kết) cho đến nay ông H không thanh toán cho ông Q.

Do đó, ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Q số tiền 714.081.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: giấy cam kết trả nợ đề ngày 28/10/2018 và giấy xác nhận đề ngày 20/9/2018.

Tại bản tự khai đề ngày 10 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lã Trọng H trình bày:

Ông H là nhân viên bán hàng của công ty J. Công ty kinh doanh về mặt hàng bia, nước ngọt. Ông H và ông Q giao dịch mua bán bia Tiger và Heniken từ tháng 5 năm 2018. Ông H chào giá bán hàng nếu được giá thì ông Q sẽ đặt mua hàng, ông H sẽ hưởng phần tiền chênh lệch. Hình thức thanh toán sẽ thanh toán tiền trước và giao hàng sau. Ông Q là người trực tiếp thanh toán tiền cho ông H hoặc chuyển khoản. Ông H không nhớ số lượng bia Tiger, Heniken đã giao cho ông Q vì thời gian đã lâu. Đối với phần đơn hàng giữa ông H và ông Q ông H đã thanh toán xong. Ông H không nhớ chính xác số tiền cụ thể là bao nhiêu chỉ nhớ hơn bảy trăm triệu đồng tuy nhiên sau đó qua làm việc giữa ông H và ông Q thì ông H đã thanh toán hết cho ông Q, không còn nợ. Do đó, ông H không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Q (ông Q yêu cầu ông H thanh toán số tiền 714.081.000 đồng, thì ông H không đồng ý).

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nhận thấy ông H có hoạt động mua bán nước giải khát bia nước ngọt với ông Q từ tháng 5 năm 2018. Ông Q đặt hàng, hình thức thanh toán sẽ thanh toán tiền trước và giao hàng sau. Ông Q sẽ trực tiếp thanh toán tiền cho ông H hoặc chuyển khoản cho ông H nên có căn cứ xác định giữa ông Q và ông H có giao dịch mua bán với nhau.

Căn cứ giấy cam kết trả nợ ngày 28/10/2018 có chữ viết và chữ ký của ông Lê Trọng H với nội dung “Ông H cam kết sẽ trả dứt điểm số tiền 763.581.000 đồng cho anh Q chậm nhất vào ngày 29/10/2018” và phần ghi thêm “Ngày 18/10/2018 đã trả cho A Q số tiền 49.500.000 đồng còn nợ lại 714.081.000 đồng” (bút lục số 05).

Căn cứ Kết luận giám định số 196/GĐ-PC09 ngày 28/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: “Chữ ký, viết mang tên “Lê Trọng H” trên “Giấy cam kết trả nợ”, đề ngày 28/10/2018 (ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết của Lê Trọng H trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M5) do cùng một người ký và viết ra” (bút lục số 37).

Ngoài ra, ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông đã trả số tiền theo giấy cam kết trả nợ ngày 28/10/2018.

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận toàn bộ. Buộc ông Lê Trọng H phải trả cho ông Trần Thế Q số tiền nợ 714.081.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 714.081.000 đồng theo giấy cam kết trả nợ ngày 28/10/2018, do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp đòi tài sản” theo quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự và là loại tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn ông H hiện đang ở tại phường F, thành phố T1, tỉnh Bình Dương. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Ông Q cho rằng: Ngày 28/10/2018, giữa ông H và ông Q có viết tờ giấy cam kết trả nợ với nội dung ông H cam kết sẽ trả số tiền 763.581.000 đồng chậm nhất vào ngày 29/10/2018. Đến ngày 18/10/2018, ông H trả cho ông Q số tiền 49.500.000 đồng. Còn nợ số tiền 714.081.000 đồng. Ông Q xác định chữ ký và chữ viết tại phía dưới góc bên trái của giấy cam kết trả nợ là do chính ông H

viết và ký tên. Ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Q vì cho rằng: chữ ký, chữ viết trong giấy cam kết trả nợ trên không phải do ông viết ra. Trên cơ sở yêu cầu giám định của đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ngày 28/4/2021, Tòa án nhân dân thành phố Thuận An ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 02/2021/QĐ - TCGĐ đề yêu cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương tiến hành giám định. Sau khi có kết quả giám định, ngày 30 tháng 9 năm 2021 Tòa án đã tiến hành giao nhận Kết luận giám định số 196/GĐ-PC09 ngày 28/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương cho các bên đương sự. Đến ngày 12 tháng 11 năm 2021, Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ, ông Nguyễn Văn L đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ông Lã Trọng H là bị đơn đều thống nhất về kết luận giám định, các bên đương sự không có yêu cầu giám định lại.

[2.2]. Tại kết luận giám định số 196/GĐ-PC09 ngày 28/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận “1. Chữ ký, chữ viết mang tên “Lã Trọng H” trên “giấy cam kết trả nợ”, đề ngày 28/10/2018 (ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết của Lã Trọng H trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M5) do cùng một người ký và viết ra.... Vì vậy, có căn cứ khẳng định ông H còn nợ ông Q số tiền 714.081.000 đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền trên là phù hợp quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015.

[2.3]. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cung cấp bảng sao kê của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Bình Dương thể hiện việc chuyển khoản thanh toán mua bia, nước ngọt giữa ông Q và ông H, bị đơn cung cấp các hợp đồng vận chuyển hàng hóa giữa đại lý Chung H và ông C, Nguyễn Ngọc C1, Trương Tấn C2, Phạm Minh C3, tuy nhiên chứng cứ bị đơn cung cấp không thể hiện giữa ông H và ông Q có sự chuyển khoản, thanh toán tiền và giao hàng nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.4]. Về lãi suất: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu tính lãi.

[2.5]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thế Q về việc tranh chấp đòi tài sản với bị đơn ông Lã Trọng H.

2. Buộc ông Lã Trọng H phải trả cho ông Trần Thế Q số tiền 714.081.000 đồng (bảy trăm mười bốn triệu không trăm tám mươi một nghìn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

Ông Lã Trọng H phải chịu 32.563.240 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Trần Thế Q số tiền 16.281.620 đồng (mười sáu triệu hai trăm tám mươi một nghìn sáu trăm hai mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0053005 ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

